

Số: 05/07/CV-CT

Tây Ninh, ngày 17 tháng 7 năm 2023

V/v giải trình Công văn số 1877/SKHĐT-
HTĐT ngày 14/07/2023 của Sở Kế hoạch
Đầu tư tỉnh Tây Ninh

Kính gửi: Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Tây Ninh
Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh

Thực hiện Công văn số 1877/ SKHĐT-HTĐT ngày 14/07/2023 của Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Tây Ninh về việc bổ sung hồ sơ Dự án khai thác mỏ vật liệu xây dựng thông thường tại ấp Hội Thành, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Nay Công ty TNHH MTV Khai thác khoáng sản Cát Thủy xin bổ sung các nội dung ý kiến của Sở Kế hoạch Đầu tư như sau:

STT	Ý kiến	Nội dung bổ sung
1	Bổ sung trữ lượng khoáng sản dự kiến khai thác và phải đảm bảo theo Quyết định số 341/QĐ UBND ngày 23/02/2023 của UBND tỉnh Về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản của Công ty TNHH MTV Khai thác khoáng sản Cát Thủy trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường tại ấp Hội Thành, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh” (Trữ lượng tính đến tháng 8/2022)	Bổ sung tại mục 6 văn bản “Đề xuất dự án đầu tư”
2	Về quy mô diện tích đất đề nghị thực hiện dự án của nhà đầu tư: phù hợp; tuy nhiên, đề nghị bổ sung Trích lục bản đồ địa chính diện tích đất doanh nghiệp đề nghị thực hiện dự án khai thác mỏ khoáng sản VLXD thông thường (đất làm vật liệu san lấp), trong đó thể hiện khu vực đề nghị cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản (5.112/6.02 ha).	Công ty trích lục bản đồ địa chính số 337/TL-ĐC ngày 17/07/2023 của Văn phòng đăng ký Đất đai tỉnh Tây Ninh
3	Về công nghệ sản xuất: đề nghị bổ sung công nghệ khai thác, máy móc, đặc tính kỹ thuật các thiết bị áp dụng	Bổ sung tại mục 7.3 văn bản “Đề xuất dự án đầu tư”
4	Thay thế/ bổ sung các văn bản hết hiệu lực thi hành	Bổ sung tại mục 7.1 văn bản “Đề xuất dự án đầu tư”

Trên đây là giải trình, bổ sung của Công ty TNHH MTV Khai thác khoáng sản Cát Thủy và hồ sơ kèm theo kính gửi Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Tây Ninh xem xét, tham mưu UBND tỉnh đúng quy định./.



CHỖ ĐÁU TƯ
Chức danh

Trần Thị Lữ Uyên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

Tên doanh nghiệp/tổ chức: Công ty TNHH MTV Khai thác khoáng sản Cát Thủy

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3901261764; Ngày cấp: 23/04/2018; Cơ quan cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ trụ sở: Thửa đất số 397, tờ bản đồ số 14, khu phố Hiệp Bình, phường Hiệp Ninh, Tp. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Trần Thị Tố Uyên

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 05/07/1974

Quốc tịch: Việt Nam

Thẻ căn cước công dân số: 072174005117; Ngày cấp: 29/04/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Số 819, khu phố Hiệp Bình, phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, Tây Ninh, Việt Nam.

Chỗ ở hiện tại: Số 819, khu phố Hiệp Bình, phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, Tây Ninh, Việt Nam.

Điện thoại:

Fax:

Email:

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án: Khai thác mỏ vật liệu xây dựng thông thường (đất làm vật liệu san lấp)

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: Thửa đất số 35 và 40, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)
1	Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét	0810



3. Quy mô dự án:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí (nếu có):

- Diện tích: Tổng diện tích các thửa đất có liên quan dự án là 60.150,6 m² (6,01506 ha).

- Diện tích đất phù hợp quy hoạch: 51.120 m² (5,112 ha) (trừ diện tích đất thuộc lộ giới hoặc diện tích đất không phù hợp quy hoạch);

- Công suất thiết kế: 70.000 m³/năm nguyên khối;

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Cung cấp nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng thông thường tại địa phương và các khu vực lân cận;

- Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến: Diện tích khai thác là 51.120 m² (Trong tổng diện tích các thửa có liên quan là 60.150,6 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), độ sâu khai thác 7m được chia làm 4 tầng gồm 2 tầng trên chiều cao 1,5m và 2 tầng dưới chiều cao 2m, mỗi tầng chừa chân tầng 1m. Công ty sẽ xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ:

STT	Hạng mục xây dựng	Diện tích xây dựng	Số tầng
1	Khai trường	51.120 m ²	-
1.1	Nhà điều hành tạm (*)	50 m ²	1
1.2	Kho chứa chất thải nguy hại (*)	4 m ²	1

Ghi chú: (*): Nằm trong diện tích khai trường.

4. Vốn đầu tư và phương án huy động vốn:

4.1. Tổng vốn đầu tư: **5.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Năm tỷ đồng), trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư: **5.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Năm tỷ đồng).

- Vốn huy động: 0 đồng (Bằng chữ: Không đồng).

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	Công ty TNHH MTV Khai thác khoáng sản Cát Thủy	5.000.000.000		100	Tiền mặt	Trong vòng 1 tháng kể từ ngày được chấp thuận Chủ trương đồng thời chấp thuận nhà đầu tư

5. Thời gian hoạt động của dự án: 4,5 năm kể từ khi được cấp phép khai thác.

6. Tiến độ thực hiện dự án:

a. Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn.

Công ty TNHH MTV Khai thác khoáng sản Cát Thủy góp 100% bằng tiền mặt trong vòng 1 tháng kể từ ngày được chấp thuận Chủ trương đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

b. Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư: Từ tháng 05/2023 đến tháng 10/2023.

c. Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có):

- Từ tháng 05/2023 đến tháng 10/2023: Thực hiện thủ tục pháp lý liên quan xin cấp giấy phép khai thác.

- Tháng 10/2023: Xây dựng cơ bản mỏ (Xây dựng, lắp đặt thiết bị).

- Từ tháng 11/2023 trở đi: Tiến hành hoạt động khai thác theo công suất thiết kế.

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận.

4. Đối với nhà đầu tư là công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài: Trường hợp lựa chọn áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường và thủ tục đầu tư như quy định đối với nhà đầu tư trong nước, thì từ bỏ tất cả các quyền và lợi ích của nhà đầu tư nước ngoài theo pháp luật trong nước hoặc theo bất kỳ điều ước quốc tế nào có thể áp dụng đối với nhà đầu tư đó.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư.

2. Các văn bản quy định tại các khoản 2 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có).

3. Các văn bản theo pháp luật về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, kinh doanh bất động sản.

4. Các hồ sơ liên quan khác (nếu có).

Tây Ninh, ngày 17 tháng 7 năm 2023

NHÀ ĐẦU TƯ

Giám đốc



Trần Thị Lữ Uyên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày tháng năm 2023)

I. NHÀ ĐẦU TƯ / HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác khoáng sản Cát Thủy.

2. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư (nếu có): Chấp thuận nhà đầu tư theo khoản 4 Điều 29 Luật Đầu tư 2020, điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ. Nhà đầu tư nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai thông qua hình thức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thành viên Công ty.

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Các nội dung về tên dự án, địa điểm thực hiện dự án, mục tiêu, quy mô, vốn, phương án huy động vốn, thời hạn, tiến độ thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

a. Tên dự án: Khai thác mỏ vật liệu xây dựng thông thường (đất làm vật liệu san lấp)

b. Địa điểm thực hiện dự án: Thửa đất số 35 và 40, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

1.2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)
1	Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét	0810

1.3. Quy mô dự án:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí (nếu có):

- Diện tích: Tổng diện tích các thửa đất có liên quan dự án là 60.150,6 m² (6,01506 ha).

- Diện tích đất phù hợp quy hoạch: 51.120 m² (5,112 ha) (trừ diện tích đất thuộc lộ giới hoặc diện tích đất không phù hợp quy hoạch);

- Công suất thiết kế: 70.000 m³/năm nguyên khối;

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Cung cấp nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng thông thường tại địa phương và các khu vực lân cận;

- Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến: Diện tích khai thác là 51.120 m² (Trong tổng diện tích các thửa có liên quan là 60.150,6 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), độ sâu khai thác 7m được chia làm 4 tầng gồm 2 tầng trên chiều cao 1,5m và 2 tầng dưới chiều cao 2m, mỗi tầng chừa chân tầng 1m. Công ty sẽ xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ:

STT	Hạng mục xây dựng	Diện tích xây dựng	Số tầng
1	Khai trường	51.120 m ²	-
1.1	Nhà điều hành tạm (*)	50 m ²	1
1.2	Kho chứa chất thải nguy hại (*)	4 m ²	1

Ghi chú: (*): Nằm trong diện tích khai trường.

1.4. Vốn đầu tư và phương án huy động vốn:

a. Tổng vốn đầu tư: **5.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Năm tỷ đồng), trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư: **5.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Năm tỷ đồng).

- Vốn huy động: 0 đồng (Bằng chữ: Không đồng).

b. Nguồn vốn đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			
1	Công ty TNHH MTV Khai thác khoáng sản Cát Thủy	5.000.000.000		100	Tiền mặt	Trong vòng 1 tháng kể từ ngày được chấp thuận Chủ trương đồng thời chấp thuận nhà đầu tư

5. Thời gian hoạt động của dự án: 4,5 năm kể từ khi được cấp phép khai thác.

6. Tiến độ thực hiện dự án:

a. Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn.

Công ty TNHH MTV Khai thác khoáng sản Cát Thủy góp 100% bằng tiền mặt trong vòng 1 tháng kể từ ngày được chấp thuận Chủ trương đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

b. Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư: Từ tháng 05/2023 đến tháng 10/2023.

c. Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có):

- Từ tháng 05/2023 đến tháng 10/2023: Thực hiện thủ tục pháp lý liên quan xin cấp giấy phép khai thác.

- Tháng 10/2023: Xây dựng cơ bản mỏ (Xây dựng, lắp đặt thiết bị).

- Từ tháng 11/2023 trở đi: Tiến hành hoạt động khai thác theo công suất thiết kế.

2. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất:

2.1. Địa điểm khu đất: Giới thiệu tổng thể về khu đất:

Khu vực khai thác thuộc địa phận ấp Hội Thành, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Trung tâm khu vực khai thác nằm cách UBND xã Tân Hội khoảng 8,7 km về phía Tây Bắc và cách UBND huyện Tân Châu khoảng 14,8 km về phía Bắc - Tây Bắc, theo đường chim bay.

Khu vực khai thác có diện tích 5,112 ha, được trích lục từ bản đồ địa chính, gồm thửa đất số 35 và 40, thuộc tờ bản đồ số 14, ấp Hội Thành, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Đặc điểm vị trí tứ cận:

- + Phía Đông: Giáp với đất trồng cao su.
- + Phía Tây: Giáp với đất trồng mì.
- + Phía Nam, Đông Nam: Giáp với đất trồng mì và cách kênh thủy lợi 34m.
- + Phía Bắc: Giáp với đất trồng cao su.

2.2. Hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đất đai: Hiện trạng đất đang để trống do Công ty TNHH MTV Khai thác khoáng sản Cát Thủy làm chủ sở hữu quyền sử dụng đất.

STT	Hạng mục công trình	Diện tích đất	Tỷ lệ
1	Đất trống	60.150,6 m ²	100 %

2.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất: Dự án có khai trường khai thác diện tích là 51.120 m² trên tổng diện tích đất 60.150,6 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc một phần các thửa đất.

STT	Hạng mục công trình	Diện tích đất	Thời hạn	Tỷ lệ (%)
1	Khai trường khai thác	51.120 m ²	4,5 năm	85 %
1.1	Nhà điều hành tạm (*)	50 m ²	-	-
1.2	Kho chứa chất thải nguy hại (*)	4 m ²	-	-
2	Diện tích nằm ngoài vùng thăm dò khai thác	9.030,6 m ²	-	15 %
	Tổng cộng	60.150,6 m²	-	100 %

Ghi chú: (*): Nằm trong diện tích khai trường.

2.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai:

- Có vốn đáp ứng các điều kiện chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, có vốn chủ sở hữu không thấp hơn 20% tổng vốn đầu tư theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc giấy xác nhận số dư tiền gửi tại ngân hàng.

- Có khả năng huy động vốn.

- Không vi phạm về đất đai.
- Thực hiện ký quỹ theo quy định.

Nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện nêu trên.

2.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai: Trong vòng 3 tháng sau khi được UBND tỉnh phê duyệt, chấp thuận chủ trương đầu tư thì nhà đầu tư sẽ chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai (nếu có).

2.6. Dự kiến sơ bộ phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác đối với trường hợp các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ (nếu có).

3. Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất:

Thửa đất bao gồm các thửa số 35 và 40, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại ấp Hội Thành, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần lượt số CS08267, CS08268 thuộc quyền sử dụng Đất của Công ty TNHH khai thác khoáng sản Cát Thủy.

STT	Số sổ	Ngày cấp	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Chủ sở hữu GCN QSD
1	CS08267	10/02/2022	35	14	30.114,9	Công ty TNHH khai thác khoáng sản Cát Thủy
2	CS08268	18/02/2022	40	14	30.035,7	

4. Nhu cầu về lao động: Biên chế lao động được thể hiện trong bảng dưới đây:

STT	Biên chế lao động	ĐVT	Số lượng
I	Lao động gián tiếp		3
1	Giám đốc xí nghiệp	Người	1
2	Kế toán – Kế hoạch, tổ chức	Người	1
3	Bảo vệ	Người	1
II	Lao động trực tiếp		7
1	Máy xúc 1.2m ³ /gàu	Người	2
2	Ô tô vận chuyển 15 tấn	Người	4
3	Xe bồn nước tưới đường, bơm nước	Người	1
	Tổng cộng		10

5. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:

- Việc đầu tư dự án nhằm phục vụ nhu cầu xây dựng các công trình trong địa bàn tỉnh và các khu vực lân cận.
- Tạo công ăn việc làm cho người lao động tại địa phương, giúp người dân tăng thêm thu nhập.

- Đóng góp vào ngân sách địa phương.
- Cải thiện chất lượng cuộc sống người dân bằng nguồn quỹ an sinh xã hội của dự án.
- Ngoài những hoạt động tích cực thì khi dự án đi vào hoạt động cũng gây ra một số tác động tiêu cực như sau:

- + Gây ô nhiễm do bụi, khí thải, tiếng ồn do hoạt động của xe ben, xe đào khai thác trong dự án là không đáng kể.

- + Có thể sạt lở bờ moong.

- Cách kiểm soát các tác động tiêu cực có thể xảy ra: Chủ đầu tư dự án sẽ thực hiện nghiêm chỉnh các phương án, biện pháp nhằm giảm tối thiểu các tác động tiêu cực có thể xảy ra:

- + Thường xuyên tưới đường vận chuyển để hạn chế bụi phát sinh.

- + Xây dựng các khu vực xử lý nước thải, chất thải rắn phát sinh trong quá trình sinh hoạt của công nhân.

- + Thường xuyên kiểm tra định kỳ máy móc thiết bị phục vụ khai thác nhằm hạn chế rò rỉ dầu nhớt, phát sinh nhiều khí thải và tiếng ồn do thiết bị hư hỏng.

- + Thường xuyên mở lớp tập huấn an toàn lao động cho công nhân nhằm nâng cao ý thức trong lao động, tránh các tai nạn đáng tiếc khi lao động.

- Tác động của dự án đối với người dân tộc thiểu số: Dự án đi vào hoạt động sẽ tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, tạo cuộc sống ổn định hơn cho người dân sống quanh khu vực dự án. Như vậy, dự án chỉ có tác động tích cực cho sự phát triển của địa phương.

6. Giải trình về sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan:

Dự án phù hợp với quy hoạch khoáng sản được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3172/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, cụ thể: Vị trí ấp Hội Thành, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; số hiệu trên bản đồ quy hoạch: 6; diện tích 6,02 ha.

Khu vực dự án có kế hoạch sử dụng vào mục đích đất sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản phù hợp với kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Tân Biên theo Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 06/01/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh.

Khu vực dự án đã được thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 23/2/2023 của UBND về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản của Công ty TNHH khai thác khoáng sản Cát Thủy trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường tại ấp Hội Thành, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh”; trữ lượng tính đến tháng 8/2022. Cụ thể: Diện tích phê duyệt 5,112ha; trữ lượng địa chất tính đến cote +29,71m là **357.840 m³**; Trữ lượng huy động vào khai thác là 301.756 m³ (Trong đó: trữ lượng sỏi phún là 256.999 m³; trữ lượng đất san lấp 44.757 m³); Trữ

lượng chứa bờ bao và trụ bảo vệ bờ moong là 56.084m³; Hệ số nở rời đất làm VLSL là 1,168; Hệ số nở rời đất sỏi phún là 1,223.

7. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường:

Thực hiện đánh giá tác động môi trường tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 54/2021/NĐ-CP quy định về đánh giá sơ bộ tác động môi trường: Chủ dự án sẽ đầu tư kinh phí thực hiện nghiêm chỉnh các phương án khống chế ô nhiễm đã đề cập phía trên nhằm đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam, bao gồm:

7.1. Sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án đầu tư với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch khác có liên quan:

- Vị trí địa lý:

Khu vực khai thác thuộc địa phận ấp Hội Thành, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Trung tâm khu vực khai thác nằm cách UBND xã Tân Hội khoảng 8,7 km về phía Tây Bắc và cách UBND huyện Tân Châu khoảng 14,8 km về phía Bắc - Tây Bắc, theo đường chim bay. Khu vực khai thác có diện tích 5,112 ha, được trích lục từ bản đồ địa chính, gồm thửa đất số 35 và 40, thuộc tờ bản đồ số 14, ấp Hội Thành, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đối tượng tự nhiên, kinh tế xã hội và các đối tượng khác có khả năng tác động bởi dự án:

- + Cách dự án khoảng 8,7 km về phía Đông Nam là UBND xã Tân Hội.
- + Cách điểm ranh gần nhất của mỏ về phía Đông Nam, khoảng 34m có kênh thủy lợi, là kênh nhỏ thường cạn vào mùa khô và có nước chảy với lưu lượng nhỏ vào mùa mưa, chảy hướng Đông Bắc – Tây Nam về các suối và kênh nhỏ ở phía Tây.
- + Có tuyến đường nhựa ĐT793 cách điểm ranh mỏ gần nhất khoảng 2,3km về phía Tây và tuyến đường nhựa ĐT785 cách điểm ranh mỏ gần nhất khoảng 4,7km về phía Bắc.
- + Xung quanh dự án chủ yếu là đất trồng cây cao su. Khu dân cư gần nhất cách điểm ranh mỏ gần nhất khoảng 800 m về phía Đông – Đông Nam.

- Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của Dự án:

Hiện trạng đất đang để trống do Công ty TNHH MTV Khai thác khoáng sản Cát Thủy làm chủ sở hữu quyền sử dụng đất.

STT	Số sổ	Ngày cấp	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m ²)	Chủ sở hữu GCN QSD
1	CS08267	10/02/2022	35	14	30.114,9	Công ty TNHH MTV Khai thác khoáng sản Cát Thủy
2	CS08268	18/02/2022	40	14	30.035,7	

- Sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án đầu tư với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch khác có liên quan:

Dự án nằm trong quy hoạch khoáng sản theo các cơ sở pháp lý như sau:

+ Quyết định số 3172/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

+ Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 02/07/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

+ Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025.

+ Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025.

+ Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 06/01/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Tân Châu.

+ Quyết định số 2120/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung của kế hoạch và và Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 745/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 – 2025.

+ Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh hàng năm đến năm 2025.

7.2. Nhận dạng, dự báo các tác động môi trường chính của dự án đầu tư đối với môi trường trên cơ sở quy mô, công nghệ sản xuất và địa điểm thực hiện dự án:

❖ Tóm tắt các tác động môi trường chính của Dự án:

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sử dụng nhiên liệu dầu diesel để vận hành thiết bị khai thác khoáng sản.

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển khoáng sản.

- Bụi phát sinh từ quá trình khai thác khoáng sản.

- Tác động từ nước mưa chảy tràn.

- Tác động từ nước thải sinh hoạt.

- Tác động từ chất thải rắn sinh hoạt.

- Tác động từ chất thải nguy hại.

❖ Nhận dạng, dự báo các tác động môi trường của các nguồn phát sinh chất thải:

✓ Tác động từ bụi, khí thải:

a. Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sử dụng nhiên liệu dầu diesel để vận hành thiết bị khai thác khoáng sản.

- Nguồn phát sinh: Dự án sử dụng máy xúc thủy lực gầu ngược để làm phương tiện khai thác và xe ô tô vận tải để làm phương tiện vận chuyển khoáng sản ra ngoài mỏ. Nhiên liệu sử dụng để vận hành là dầu DO. Khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu để phục vụ quá trình vận hành.

- Thành phần: Chủ yếu có bụi, khí CO, NO_x, SO₂, THC, ...

b. Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển khoáng sản.

- Nguồn phát sinh: Xe ô tô vận tải để vận chuyển khoáng sản từ khu vực mỏ đến nơi tiêu thụ.

- Thành phần: Bụi, SO₂, CO, HC.

c. Bụi phát sinh từ quá trình khai thác khoáng sản.

- Nguồn phát sinh: Trong quá trình khai thác sẽ làm phát sinh bụi.

- Thành phần: Bụi.

* Tác động của các chất ô nhiễm không khí:

Các ảnh hưởng có thể của các chất ô nhiễm không khí trong quá trình hoạt động của dự án được trình bày qua phần dưới đây:

Bảng 1. Bảng tổng hợp tác động của các chất gây ô nhiễm không khí

STT	Chất ô nhiễm	Tác động
1	SO ₂ và NO ₂	Gây ảnh hưởng hệ hô hấp, phân tán vào máu. SO ₂ có thể nhiễm độc qua da làm giảm dự trữ kiềm trong máu, đào thải amoniac ra nước tiểu và kiềm ra nước bọt, gây viêm giác mạc, bỏng, đục giác mạc. Tạo mưa axit ảnh hưởng xấu đến sự phát triển thảm thực vật và cây trồng. Tăng cường quá trình ăn mòn kim loại, phá hủy vật liệu bê tông và các công trình xây dựng khác. Ảnh hưởng xấu đến khí hậu, hệ sinh thái và tầng ozone.
2	CO _x	Gây rối loạn hô hấp phổi. CO hóa hợp thuận nghịch với hemoglobin làm giảm hàm lượng oxy trong máu. Gây hiệu ứng nhà kính. Tác hại đến hệ sinh thái.
3	Bụi	Kích thích hô hấp, xơ hóa phổi, ung thư phổi. Bụi mịn sinh ra trong quá trình sản xuất sẽ gây tổn thương mắt và mũi khi tiếp xúc liên tục, kích thích viêm nhiễm niêm mạc mũi, họng, ... và ngoài ra còn gây kích thích hóa học và sinh học như: dị ứng, nhiễm khuẩn, ...

✓ ***Nguồn phát sinh nước thải:***

a. Lượng nước chảy vào mỏ.

- Nguồn phát sinh:

+ Nước mưa rơi trực tiếp xuống moong khai thác.

+ Nước dưới đất chảy vào moong khai thác: Mức nước tĩnh nằm dưới độ sâu kết thúc khai thác nên không ảnh hưởng tới quá trình khai thác.

- Thành phần: Lượng nước chảy vào moong có thể cuốn theo bụi đất, rác thải, ... rơi rớt xuống hệ thống thoát nước khu vực. Làm cho thành phần môi trường trong nước khi đo đạc như: TSS, độ đục, ... tăng vượt mức cho phép. Nếu nguồn nước này không được quản lý tốt sẽ gây ra những tác động tiêu cực đến thủy vực tiếp nhận.

b. Nước thải sinh hoạt.

- Nguồn phát sinh: Chủ yếu phát sinh do hoạt động sinh hoạt của công nhân viên trong giai đoạn khai thác.

- Thành phần: Các chất ô nhiễm chủ yếu gồm: Các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và các loại vi khuẩn, vi sinh gây bệnh.

** Tác động của các chất ô nhiễm trong nước thải:*

Bảng 2. Bảng tổng hợp tác động của các chất gây ô nhiễm trong nước thải

Stt	Thông số	Tác động
1	Các chất hữu cơ	- Giảm nồng độ ôxy hoà tan trong nước - Ảnh hưởng đến tài nguyên thủy sinh
2	Chất rắn lơ lửng	- Làm tăng độ đục trong nước, ảnh hưởng đến sự phát triển của sinh vật thủy sinh
3	Kim loại	- Làm cho các sinh vật trong nước không phát triển - Nếu ngấm vào đất sẽ làm ô nhiễm môi trường đất, ảnh hưởng tới cây trồng - Đối với cơ thể người sẽ gây nhiễm độc, nếu tiếp xúc thời gian dài sẽ gây rối loạn tiêu hóa, phá hủy hồng cầu và nặng hơn là gây tổn thương não bộ
4	Các chất dinh dưỡng (N,P)	- Gây hiện tượng phú dưỡng, ảnh hưởng tới chất lượng nước, sự sống thủy sinh
5	Các vi khuẩn	- Nước có lẫn vi khuẩn gây bệnh là nguyên nhân của các dịch bệnh thương hàn, phó thương hàn, lỵ, tả - Coliform là nhóm vi khuẩn gây bệnh đường ruột

✓ *Chất thải rắn và chất thải nguy hại:*

a. Chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH).

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên tại dự án.

- Khối lượng: Ước tính khối lượng chất thải rắn phát sinh là 0,5 kg/người/ngày đêm, thu gom 100%.

- Thành phần chất thải rắn của dự án bao gồm: Rác thải sinh hoạt chủ yếu là các loại rác thực phẩm như vỏ rau quả, đồ ăn thừa, ...

- Tác động: Về cơ bản, CTRSH của dự án không mang tính độc hại, do đó ảnh hưởng đến môi trường không đáng kể. Tuy nhiên, trong môi trường khí hậu nhiệt đới, gió mùa,

nóng ẩm, chất thải bị thối rữa nhanh. Nếu loại chất thải này không được quản lý tốt sẽ gây tác động xấu cho môi trường và là môi trường thuận lợi cho các vi trùng phát triển, làm phát sinh và lây lan các nguồn bệnh do côn trùng (chuột, ruồi, ...) ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Ngoài ra, CTRSH nếu không quản lý tốt sẽ phát sinh mùi hôi thối, gây mất vệ sinh, ảnh hưởng đến mỹ quan khu vực.

b. Chất thải rắn công nghiệp thông thường.

DO tính chất của dự án khai thác vật liệu xây dựng thông thường. Vì vậy, trong Dự án không phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường.

c. Chất thải nguy hại (CTNH).

- Nguồn phát sinh: Chủ yếu từ hoạt động sửa chữa các hư hỏng đột xuất các phương tiện cơ giới tại khai trường. Những hư hỏng lớn sẽ được chuyển về xưởng sửa chữa tại các đơn vị dịch vụ trong khu vực.

- Thời gian gây tác động: Loại chất thải chứa dầu mỡ phát sinh không thường xuyên, tùy thuộc vào thời gian sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị. Tuy nhiên lượng dầu mỡ thải phát sinh trong suốt quá trình hoạt động của mỏ.

- Thành phần và khối lượng: Tham khảo các loại CTNH của các Dự án tương tự và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ TNMT ngày 30/06/2015 thì khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại của dự án như sau:

- + Bao bì cứng thải bằng nhựa (Thùng chứa nhớt thải) (Mã CTNH: 18 01 03).
- + Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã CTNH: 16 01 06).
- + Pin, ắc quy thải (Mã CTNH: 16 01 12).
- + Giẻ lau dính dầu nhớt, vật liệu lọc đã qua sử dụng (Mã CTNH: 18 02 01).
- + Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải (Mã CTNH: 17 02 03).

- Tác động: CTNH chứa các chất hoặc hợp chất có các đặc tính gây nguy hại trực tiếp (dễ cháy, dễ nổ, làm ngộ độc, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm, ...) và có thể tương tác với các chất khác gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe con người. CTNH thường có đặc tính là tồn tại lâu trong môi trường và khó phân hủy, có khả năng tích lũy sinh học trong các nguồn nước, mô mỡ của động vật gây ra hàng loạt các bệnh nguy hiểm đối với con người, phổ biến nhất là bệnh ung thư. Do đó, nếu không được thu gom và xử lý đúng theo quy định trước khi thải bỏ sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đến môi trường.

❖ **Tác động từ các nguồn không liên quan đến chất thải:**

✓ **Tiếng ồn, rung:**

- Nguồn phát sinh: Phát sinh từ quá trình hoạt động các thiết bị cơ giới; Các thiết bị cơ giới tại mỏ đều là các loại cơ giới nặng. Khi hoạt động sẽ phát ra tiếng ồn và làm gia tăng độ ồn xung quanh.

- Thời gian tác động: tác động thường xuyên trong thời gian khai thác. Tuy nhiên khu vực mỏ rộng, người lao động không đứng gần máy, các khai trường cách xa khu dân cư nên nguồn ồn chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân làm việc tại công trường.

✓ **Tác động đến hoạt động giao thông vận tải trong khu vực do sự gia tăng tần suất xe vận tải:**

Quá trình khai thác, vận chuyển vật liệu san lấp của mỏ đi tiêu thụ nếu không được che chắn cẩn thận sẽ có vật liệu rơi xuống hệ thống giao thông công cộng.

Sự gia tăng mật độ xe cộ lưu thông sẽ làm xuống cấp hệ thống đường giao thông công cộng, gây tai nạn và ách tắc giao thông, mất an toàn khi người dân đi lại.

Xuống cấp đường giao thông: Khi dự án hoạt động, mật độ xe gia tăng trên tuyến đường sẽ gây xuống cấp các tuyến đường giao thông, đây là điều không tránh khỏi.

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển sẽ gây bụi trên đường, quá trình này sẽ ảnh hưởng đến lưu thông của các phương tiện khác và các hộ dân sống ven đường.

✓ **Tác động đến an ninh trật tự khu vực:**

Việc gia tăng số lượng lao động và lực lượng dịch vụ thu hút sẽ kéo theo việc dân cư sẽ sống tập trung vào khu vực, làm nảy sinh các vấn đề về trật tự an toàn xã hội, có những ảnh hưởng nhất định đến địa phương như: Nảy sinh các vấn đề về quản lý dân cư địa phương, quản lý công nhân công trình (Nảy sinh về tranh chấp). Do đó phải có sự phối hợp hành chính đối với nhóm dân cư địa phương và công nhân làm việc tại dự án. Đây là tác động lâu dài ngay từ giai đoạn XD/CB đến khi kết thúc dự án.

Các tác động trên tuy có thể xảy ra nhưng mức độ không đáng kể do Chủ dự án sẽ phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương để quản lý dân cư địa phương, quản lý công nhân trên công trình.

7.3. Yếu tố nhạy cảm về môi trường của khu vực thực hiện dự án đầu tư theo các phương án về địa điểm (nếu có):

Vị trí khu vực thực hiện dự án nằm trong quy hoạch khai thác khoáng sản, vì vậy phù hợp với việc đầu tư.

Xung quanh dự án chủ yếu là đất trống, không có các đối tượng như chùa, nhà thờ, nghĩa trang, khu bảo tồn thiên nhiên. Do đó, khu vực thực hiện dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường.

7.4. Phân tích, đánh giá, lựa chọn phương án về quy mô, công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải, địa điểm thực hiện dự án đầu tư và biện pháp giảm thiểu tác động môi trường:

❖ **Đề xuất lựa chọn quy mô, quy trình hoạt động Dự án:**

✓ **Quy mô dự án:**

- Tổng nhu cầu sử dụng đất của dự án là 51.120 m² (tương đương 5,112 ha).
- Công suất thiết kế: 70.000 m³/năm.
- Thời gian khai thác: 4,5 năm.
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Cung cấp nhu cầu sử dụng vật liệu xây dựng thông thường tại địa phương và các khu vực lân cận.

✓ **Quy trình hoạt động của dự án:**

- Giai đoạn xây dựng cơ bản:

+ Công ty thực hiện dọn mặt bằng, bóc lớp phủ thực vật để chuẩn bị cho quá trình khai thác mỏ.

+ Xây dựng nhà điều hành tạm để công nhân nghỉ ngơi và làm việc trong suốt quá trình khai thác mỏ.

- Giai đoạn khai thác đạt công suất:

+ Trình tự khai thác: Tiến hành khai thác theo hình thức chia khoảnh từ Nam lên Bắc, khai thác theo tuyến xúc từ Tây sang Đông dọc theo chiều rộng biên giới mỏ. Trong quá trình khai thác tiến hành đào hố thu nước, bơm cưỡng bức ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Các tầng được khai thác theo dạng khẩu giạt, khai thác từ phía xa của khai trường kéo dần về gần phía đường vận chuyển cho đến hết ranh giới khai thác. Vào mùa khô, tiến hành làm đường hào dốc xuống mặt tầng dưới để mở vỉa khai thác tầng dưới cũng theo trình tự như vậy, mùa mưa thì rút ra ngoài khai thác tầng trên theo đúng trình tự phát triển khai trường của thiết kế nhằm đảm bảo cho việc giảm thiểu chi phí bơm thoát nước của mỏ, đó gọi là hệ thống khai thác phân khu vực khai thác theo mùa.

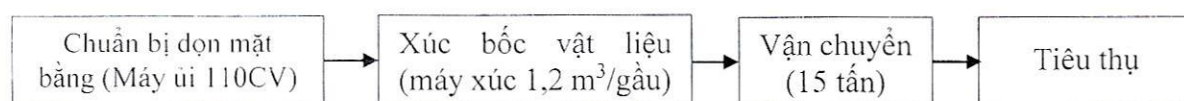
- Giai đoạn đóng cửa mỏ:

+ Sau khi kết thúc khai thác công ty sẽ thực hiện các biện pháp an toàn và cải tạo mỏ đúng với thiết kế đã được phê duyệt.

+ Công ty tiến hành lập đề án đóng cửa mỏ trình UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt để tổ chức thực hiện.

✓ **Quy trình công nghệ sản xuất (công nghệ khai thác):**

Các khâu công nghệ chủ yếu của hệ thống khai thác như sau:



- Sử dụng máy xúc thủy lực gầu ngược, xúc trực tiếp vật liệu xây dựng thông thường lên ô tô vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

Thiết bị xúc bốc là máy xúc thủy lực gầu ngược bánh xích (máy đào) 1,2 m³ hiệu SOLAR 280 hoặc loại tương đương với các đặc tính kỹ thuật như sau:

Bảng 3: Đặc tính kỹ thuật máy đào SOLAR 280

STT	Các thông số chủ yếu	ĐVT	Giá trị
1	Trọng lượng toàn thân	Tấn	28
2	Dung tích gầu	m ³	1,2
3	Chiều cao xúc lớn nhất	m	8
4	Năng suất	m ³ /h	120

STT	Các thông số chủ yếu	ĐVT	Giá trị
5	Loại động cơ		Diezel
6	Hệ thống vận hành		Thủy lực
7	Hệ thống di chuyển		Bánh xích

Thiết bị vận chuyển trong mỏ là ô tô tự đổ hiệu HYUNDAI do Hàn Quốc sản xuất (hoặc loại tương đương) với các đặc tính kỹ thuật như sau:

Bảng 4: Đặc tính kỹ thuật của ô tô HYUNDAI

STT	Các thông số chủ yếu	ĐVT	Giá trị
1	Trọng tải	Tấn	15
2	Kích thước lớn nhất của xe		
	Chiều dài	m	6,5
	Chiều rộng	m	2.5
	Chiều cao	m	2.7
3	Dung tích thùng xe	m ³	10
4	Loại động cơ		Diezel
5	Công suất động cơ	Cv	140
6	Khả năng leo dốc	%	15
7	Nước sản xuất		Hàn Quốc

❖ Đề xuất công nghệ xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động môi trường cho các nguồn phát sinh chất thải:

✓ Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải:

a. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải của các phương tiện cơ giới.

- Đưa ra lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm.

- Điều phối xe tải hoạt động theo thiết kế khai thác tránh gây kẹt xe, tập trung cục bộ. Tất cả các xe chở VLXDTT đi tiêu thụ phải có bạt che.

- Sử dụng xe vẫn còn niên hạn sử dụng tức đã được đăng kiểm theo TCVN. Khí thải của các xe đạt QCVN 05:2009/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới.

- Bảo trì phương tiện, máy móc định kỳ. Khi xe đã có dấu hiệu hư hỏng, hoạt động kém hiệu quả thì không tiếp tục sử dụng mà tiến hành bảo dưỡng, tu sửa.

- Lựa chọn nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp để cấp cho các thiết bị làm việc tại mỏ.

b. Biện pháp giảm thiểu bụi tại khu vực mỏ.

- Công ty thực hiện trồng cây xanh xung quanh khu vực mỏ.

- Tưới nước giảm bụi khu vực khai trường.

c. Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ quá trình vận chuyển.

- Tưới nước dọc tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ.

- Thường xuyên duy tu, sửa chữa tuyến đường vận chuyển để giảm lượng bụi bề mặt, từ đó giảm lượng bụi bốc lên khi có xe chạy qua, đồng thời giảm trơn trượt trên tuyến đường vận chuyển vào mùa mưa.

- Đối với các xe vận chuyển ra vào mỏ phải thực hiện đúng các công tác bảo vệ môi trường như:

+ Đối với máy móc thiết bị có độ ồn cao cần luân chuyển xe ra vào hợp lý.

+ Quy định tất cả xe vận chuyển khi đến mua hàng phải có thùng kín, có bạt che. Sẽ kiểm tra tại trạm cân mỗi khi xe ra.

+ Chờ đúng tải trọng của phương tiện vận chuyển.

✓ **Nước thải:**

a. Hệ thống ngăn nước và tháo khô.

** Nước mưa chảy tràn:*

- Mỏ được khai thác theo phương pháp lộ thiên nên khi khai thác xuống tạo địa hình âm (thấp hơn so với địa hình tự nhiên) có nước mưa rơi trực tiếp xuống mỏ. Những tầng khai thác thoát nước theo độ nghiêng mặt tầng.

- Nạo vét định kỳ rãnh thoát nước, tần suất 6 tháng/lần. Lượng chất thải phát sinh từ quá trình nạo vét chủ yếu là đất sử dụng để đắp đê.

- Trong moong khai thác được chia thành các lô khai thác phù hợp với tiến độ khai thác từng năm để khi kết thúc mùa khô khai thác hết trữ lượng trong từng lô giảm thiểu khối lượng nước phải bơm tháo khô.

- Để đảm bảo moong khai thác không bị ngập nước trong quá trình khai thác, Công ty sẽ tiến hành đào hố thu nước để xử lý sơ bộ nước mưa. Công ty sẽ lắp đặt máy bơm phục vụ cho công tác tháo khô mỏ. Nước từ đường thoát nước trong khu mỏ được máy bơm bơm nước tháo nước ra ngoài khu mỏ.

** Đắp đê bao:*

- Công ty tiến hành đắp đê bao quanh khu vực mỏ để hạn chế nguồn nước mặt chảy tràn vào moong khai thác trong mùa mưa, nhằm đảm bảo cho moong hoạt động bình thường. Đê bao ngăn nước được phát triển theo tiến độ khai thác hàng năm.

- Sau khi kết thúc khai thác, Công ty sẽ thực hiện duy tu bảo dưỡng công trình và lắp đặt cống để điều tiết nước trong hồ chứa để thoát nước ra ngoài.

b. Nước thải sinh hoạt.

Công ty sẽ lắp đặt 1 nhà vệ sinh di động để phục vụ cho toàn bộ vòng đời của dự án. Nhà vệ sinh di động được thiết kế đảm bảo khả năng tiếp nhận nước thải sinh hoạt giai đoạn khai thác đạt công suất thiết kế.

✓ **Chất thải rắn và chất thải nguy hại:**

a. Chất thải rắn sinh hoạt.

- Công ty bố trí 1 thùng rác di động có dung tích 240 lít để thu gom, lưu trữ tạm thời toàn bộ CTR sinh hoạt phát sinh, đặt cạnh nhà tạm của dự án.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

b. Chất thải nguy hại.

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu với khối lượng tương đối ít. Vì vậy, Công ty sẽ bố trí các thùng đựng chất thải nguy hại (dung tích 60 lít, chất liệu nhựa HDPE) đặt tại khu vực lưu trữ CTNH tạm thời diện tích khoảng 4 m² bên cạnh nhà điều hành tạm để lưu trữ tạm thời các chất thải này. Kho chứa CTNH được thiết kế phù hợp với quy định về quản lý CTNH theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý CTNH từ quá trình hoạt động của dự án.

- Công ty cam kết sẽ thực hiện các biện pháp thu gom, lưu chứa, phân loại chất thải theo quy định pháp luật.

❖ Đề xuất biện pháp giảm thiểu thích hợp cho các nguồn tác động không liên quan đến chất thải:

✓ *Tiếng ồn:*

- Thường xuyên duy tu thiết bị, tra dầu mỡ vào các khớp động cơ để giảm tiếng ồn phát sinh.

- Thường xuyên lu lèn, tu sửa đường giao thông để các phương tiện đi lại dễ dàng, tránh thay đổi tốc độ thường xuyên gây ồn lớn.

- Đối với máy móc thiết bị có độ ồn cao cần luân chuyển xe ra vào hợp lý. Để bảo vệ tác động nguồn ồn đến các công nhân thi công có thể sử dụng các dụng cụ chống ồn cá nhân như nút tai và bao tai.

✓ *Hoạt động giao thông vận tải trong khu vực do sự gia tăng tần suất xe vận tải:*

- Tưới nước giảm bụi trong những ngày nắng, gió lớn. Bố trí lao động quét dọn vật liệu rơi vãi dọc đường.

- Xe chạy từ mỏ ra đường giao thông công cộng phải giảm tốc độ.

- Xe chạy trên đường vận chuyển đảm bảo đúng tốc độ quy định.

- Tu sửa đường thường xuyên, phun nước giảm bụi vào những ngày nắng nóng, gió lớn.

✓ *An ninh trật tự khu vực:*

- Công ty sẽ chấp hành và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về chính sách bảo hộ quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến, tham gia đóng góp vào các chương trình phúc lợi xã hội tại địa phương.

- Tham gia hỗ trợ các chương trình cộng đồng: Khám sức khỏe định kỳ, thăm hỏi các gia đình trong các dịp lễ, tết.

- Nhằm đảm bảo an ninh trật tự, tránh xung đột với địa phương do việc tập trung lao động, phục vụ dự án. Công ty sẽ phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện quản lý tạm trú, tạm vắng cho toàn bộ công nhân. Sử dụng những lao động đủ điều kiện.

- Ưu tiên tuyển dụng một số lao động địa phương đủ điều kiện.

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Theo quy định của pháp luật.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Theo quy định của pháp luật.

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:

Theo quy định của pháp luật.

4. Ưu đãi khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế (nếu có):

5. Ưu đãi đặc biệt (nếu có):

6. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Tây Ninh, ngày *M* tháng *X* năm 2023

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN CÁT THỦY**

Giám đốc



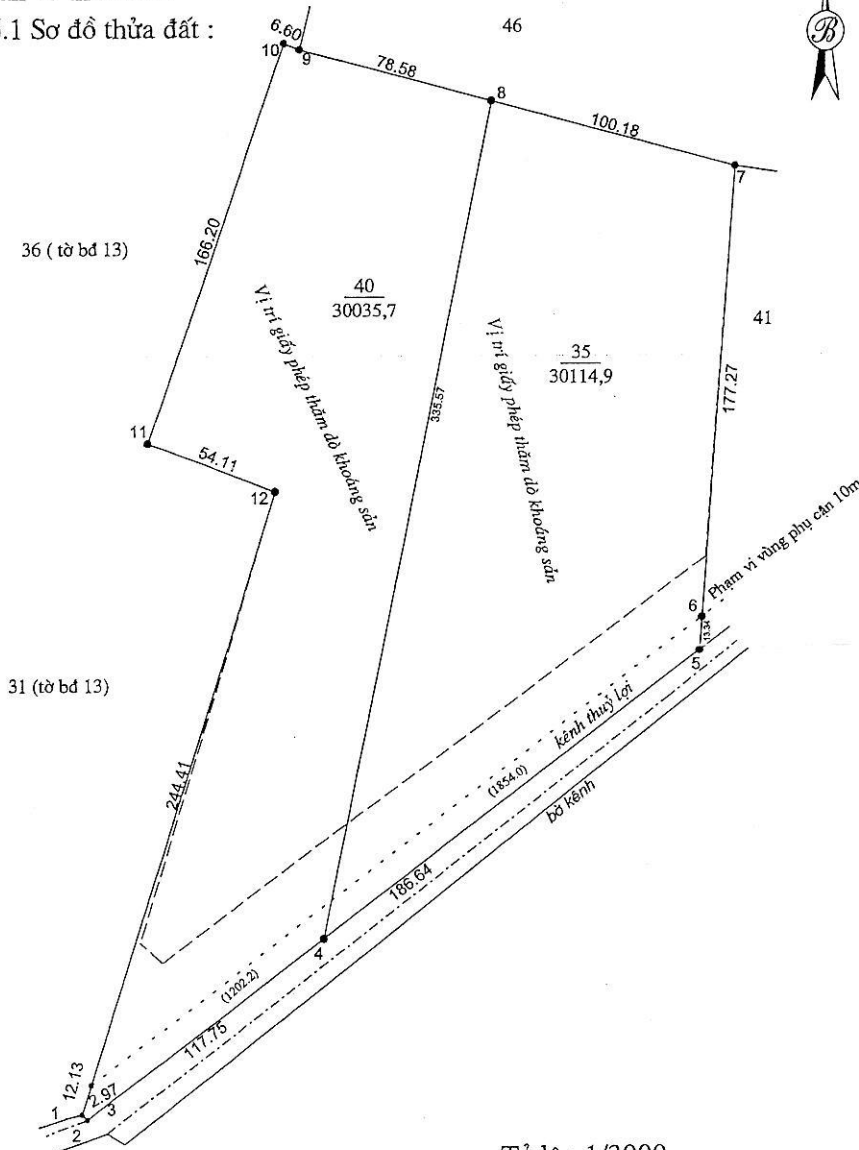
Trần Thị Lát Uyên

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

Số: 337/TL-ĐC

- Thửa đất số: 40, 35 Tờ bản đồ: 14
Khu vực đất: xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
- Tổng diện tích: 60150.6 m² trong đó phạm vi vùng phụ cận: 3056.2 m²
- Mục đích sử dụng : Đất trồng cây lâu năm - CLN
Mục đích lập thủ tục: Đất vật liệu xây dựng thông thường
- Chủ sử dụng : CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC KHOÁNG SẢN CÁT THỦY
Đặc hủ: Phường Hiệp Ninh, tp Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý về QSD Đất:
- Bản vẽ thửa đất :

6.1 Sơ đồ thửa đất :



Tỷ lệ : 1/3000

6.2 Tọa độ đỉnh và chiều dài cạnh thửa đất :

Số hiệu Đỉnh thửa	Tọa độ VN-2000		chiều dài (m)
	X	Y	
1	1291874,54	568960,97	12,13
2	1291862,94	568957,40	2,97
3	1291860,81	568959,47	117,75
4	1291932,26	569053,07	186,64
5	1292045,50	569201,43	13,34
6	1292058,80	569202,37	177,27
7	1292235,63	569214,88	100,18
8	1292261,47	569118,09	78,58
9	1292281,74	569042,17	6,60
10	1292284,23	569036,06	166,20
11	1292126,99	568982,23	54,11
12	1292108,11	569032,94	244,41
1	1291874,54	568960,97	

Ghi chú:

Trích lục này không thay thế GCN QSDĐ. QSHN ở và TSKGL với đất

----- Ranh giới khai thác theo Quyết định

Vị trí thăm dò khai thác theo Quyết định số 1466/GP-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Tây Ninh

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-UBND ngày/..... của UBND tỉnh Tây Ninh)

Ngày 17 tháng 7 năm 2023

NGƯỜI TRÍCH LỤC

Ngày 17 tháng 7 năm 2023

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH TÂY NINH
GIÁM ĐỐC

NGUYỄN PHƯỚC DUY

Trần Quang Khải

